TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 12- 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hải Phòng tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Đình Hiến -Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2025/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1997; Căn cước công dân số: 031197002759; nơi cư trú: Tổ dân phố An Hoà, phường HB, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1995; Căn cước công dân số: 031095006340; nơi thường trú: Tổ dân phố An Hoà, phường HB, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 11 Hà Luận, phường HB, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn, chị Trần Thị Tuyết T thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HB, huyện TN, thành phố Hải Phòng (nay là

phường HB, thành phố Hải Phòng) vào năm 2019, sau khi kết hôn vợ chồng về ăn ở tại thôn 11 Hà Luận, huyện TN, thành phố Hải Phòng (nay là tổ dân phố 11 Hà Luận, phường HB, thành phố Hải Phòng) được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, anh T ham chơi bời không chịu khó làm ăn kinh tế vợ chồng thường hay xảy ra cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau sau khi kết hôn nhiều năm vợ chồng cũng không có con chung nên cuộc sống chung cũng ngày càng căng thẳng áp lực. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình bố mẹ khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2022 không còn quan tâm nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng kết hôn được một thời gian thì thường xuyên xảy ra xung đột, cãi mắng nhau nên không có con chung, vì vậy khi ly hôn chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Tuyết T trình bày vợ chồng không tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, song anh Phạm Văn T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn T.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã T hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã T hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tống đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa

thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Tuyết T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Tuyết T được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết T và anh Phạm Văn T không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Tuyết T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt không có quan điểm về tài sản chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung trong vụ án này.

Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Chị Trần Thị Tuyết T có đơn xin ly hôn với anh Phạm Văn T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn T nơi thường trú tại tổ dân phố An Hoà, phường HB, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 11 Hà Luận, phường HB, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự

Bị đơn anh Phạm Văn T quá trình giải quyết vụ án đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng song đến ngày mở phiên toà lần thứ hai anh Phạm Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân

Xét, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Tuyết T và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã HB, huyện TN, thành phố Hải Phòng (nay là phường HB, thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019, đăng ký ngày 27 tháng 3 năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và tài liệu xác minh tại gia đình anh Phạm Văn T cùng chính quyền địa phương nơi cư trú thể hiện: Chị T và anh T trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, kết hôn nhiều năm nhưng không có con chung nên tình cảm vợ chồng không gắn kết do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một

nơi không còn quan tâm nhau. Nay chị T đề nghị được ly hôn anh T, bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt không có quan điểm về việc chị T yêu cầu xin ly hôn. Hội đồng xét xử, xét: Trong quan hệ hôn nhân vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau để chăm lo gia đình, sinh con đẻ cái để tình cảm vợ chồng ngày càng gắn kết. Tuy nhiên, T tế do mâu thuẫn nên chị T và anh T đã không còn chung sống cùng nhau. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Tuyết T và anh Phạm Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Tuyết T, cho chị Trần Thị Tuyết T được ly hôn anh Phạm Văn T.

[4] Về con chung

Chị Trần Thị Tuyết T trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung

Chị Trần Thị Tuyết T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt chưa có quan điểm trình bày về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Tuyết T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Tuyết T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Tuyết T được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết T và anh Phạm Văn T không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Nguyên đơn, chị Trần Thị Tuyết T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001177, ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hải Phòng. Chị Trần Thị Tuyết T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Cảnh **Doãn Văn Sáng** **Đinh Thị Mến**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 1 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường HB, TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức CảnhNguyễn Thị Lương **Đinh Thị Mến**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương.
2. Ông Hoàng Đức Cảnh.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Huệ; nơi cư trú: Thôn Bắc Phong, xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Trọng Thanh; nơi cư trú: Tổ dân phố Quyết Hùng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

-Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

- Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Huệđược ly hôn với anh Đỗ Trọng Thanh.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[2] Về con chung:

Giao cho chị Vũ Thị Huệ trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Đỗ Nhật Minh, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2013 và Đỗ Ngọc Linh, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[4]Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[5] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chị Vũ Thị Huệ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0010048 ngày 08/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Vũ Thị Huệ đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

[6] Về quyền kháng cáo

Chị Vũ Thị Huệ, anh Đỗ Trọng Thanhcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Cảnh Nguyễn Thị Lương **Đinh Thị Mến**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ phút, ngày 23 tháng 9 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:Bà Đinh Thị Mến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Lương

Tiến hành thảo luận về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án dân sự thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Huệ; nơi cư trú: Thôn Bắc Phong, xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Trọng Thanh; nơi cư trú: Tổ dân phố Quyết Hùng, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

- Về nội dung: Hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm nêu trên.

Thời gian mở lại phiên toà được ấn định như sau: Phiên tòa dân sự sẽ được mở vào hồi giờ phút ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Thảo luận kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức CảnhNguyễn Thị Lương **Đinh Thị Mến**